TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/KDTM-ST
Ngày: 04/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Mai**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Toà án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/KDTM-ST ngày 06/3/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng xây dựng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 585/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần T**
Địa chỉ: A1-4 đường N, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Đại diện theo pháp luật: ông Lê Đức Th
Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tấn Tr

Bị đơn: **Công ty TNHH Đ**
Địa chỉ: 147/9 đường C, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn V.
(*Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH Đ đã ký các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 61/HĐ-DVMT ngày 20/7/2009 về việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng chợ N, huyện T, tỉnh Hậu Giang. Sau đó, hai bên có ký phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh bên giao thầu và địa

chỉ bên nhận thầu. Hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng và Công ty Cổ phần T đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Đ số 0000074 ngày 06/6/2012 số tiền 15.000.000đồng và 0000075 ngày 07/6/2012 số tiền 8.000.000đồng.

- Hợp đồng số 82/HĐ-TK ngày 20/9/2009 về việc thiết kế bản vẽ thi công công trình chợ H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời hai bên cũng ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh tên bên giao thầu. Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu, bàn giao hồ sơ, biên bản thanh lý hợp đồng và Công ty Cổ phần T đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Đ số 0000076 ngày 08/6/2012 số tiền 18.000.000đồng, 0000077 ngày 09/6/2012 số tiền 18.000.000đồng, 0000078 ngày 11/6/2012 số tiền 18.000.000đồng, 0000079 ngày 12/6/2012 số tiền 19.000.000đồng và 0000080 ngày 13/6/2012 số tiền 15.000.000đồng.

- Hợp đồng số 83/HĐ-TK ngày 20/9/2009 về việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo và nâng cấp chợ N, huyện T, tỉnh An Giang. Sau đó, hai bên có ký phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh tên của bên giao thầu. Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu, bàn giao hồ sơ, ký biên bản thanh lý hợp đồng và Công ty Cổ phần T đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Đ số 0000081 ngày 14/6/2012 số tiền 15.000.000đồng và 0000082 ngày 15/6/2012 số tiền 5.000.000đồng.

Sau đó, dù đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH Đ thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần T nhưng Công ty TNHH Đ không thực hiện. Do đó, Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ thanh toán cho Công ty Cổ phần T tổng số tiền 131.000.000đồng.

Công ty TNHH Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt và không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không gửi bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ kiện.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đối với bị đơn.

Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào lời trình bày của đại diện Công ty Cổ phần T và các tài liệu chứng cứ do Công ty Cổ phần T cung cấp đủ cơ sở để xác định giữa Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH Đ có xác lập hợp đồng thực hiện các công việc trong hoạt động xây dựng. Do Công ty TNHH Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần T khởi kiện. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng xây dựng". Tranh chấp này thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Công ty TNHH Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Đ .

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hợp đồng số 61/HĐ-DVMT ngày 20/7/2009 được ký kết giữa các bên thì nguyên đơn nhận thực hiện công việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng chợ N, huyện T, tỉnh Hậu Giang (cụ thể như thu mẫu về môi trường tại dự án và phân tích mẫu theo quy định, viết thuyết minh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và nộp báo cáo cho Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, thuyết trình báo cáo…) cho bị đơn; Theo hợp đồng số 82/HĐ-TK ngày 20/9/2009 thì nguyên đơn nhận thiết kế bản vẽ thi công công trình chợ H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu cho bị đơn; theo Hợp đồng số 83/HĐ-DA ngày 20/9/2009 thì nguyên đơn lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo và nâng cấp chợ N, huyện T, tỉnh An Giang cho bị đơn. Nguyên đơn đã thực hiện xong công việc thỏa thuận, lập biên bản nghiệm thu, bàn giao hồ sơ và các bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng. Đồng thời, nguyên đơn cũng đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn với tổng số tiền là 131.000.000đồng, cụ thể hóa đơn số 0000074 ngày 06/6/2012 với số tiền 15.000.000đồng; số 0000075 ngày 07/6/2012 với số tiền 8.000.000đồng, số 0000076 ngày 08/6/2012 với số tiền 18.000.000đồng, số 0000077 ngày 09/6/2012 với số tiền 18.000.000đồng, số 0000078 ngày 11/6/2012 với số tiền 18.000.000đồng, số 0000079 ngày 12/6/2012 với số tiền 19.000.000đồng, số 0000080 ngày 13/6/2012 với số tiền 15.000.000đồng, số 0000081 ngày 14/6/2012 số tiền 15.000.000đồng và 0000082 ngày 15/6/2012 số tiền 5.000.000đồng. Phía bị đơn có công văn số 32/CV-VM ngày 16/5/2016 gửi nguyên đơn đề nghị gia hạn thanh toán đến tháng 7/2016. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên nên nguyên đơn có quyền khởi kiện. Phía bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ kiện. Từ đó cho thấy, bị đơn mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 3 Luật xây dựng năm 2003;

- Áp dụng Điều 280, 281 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Đ có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần T số tiền 131.000.000đồng *(Một trăm ba mươi mốt triệu đồng)*.

Kekt| ~khi nguyeh wzn co wzn yeh cafi thi hanh an ma~bx wzn ch| a thi hanh soglefi neh treh thr bxwzn con phai chxu tiefi lai[do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự t| zng | ng vzi soglefi va~thzi~gian ch| a thi hanh an.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Đ phải chịu 6.550.000đồng *(Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần T 3.275.000đồng *(Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000883 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Mai

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Q.Ninh Kiều;
-CCTHADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.